

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2021/DS-ST

Ngày: 15/4/2021

*“V/v tranh chấp dân sự – Hợp
đồng vay tài sản”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Phước Tâm;
Ông Châu Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Ông N V Tèo – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 729/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc: *“Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43A/2021/QĐST-DS, ngày 16 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh N T T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: xã PT, huyện CL, ĐT.

Bị đơn: - Anh V V H, sinh năm 1973;

- Chị L T H D, sinh năm: 1977;

Cùng địa chỉ: xã PT, huyện CL, ĐT.

(Anh T có mặt tại phiên tòa; anh H và chị D vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh N T T trình bày:** anh V V H và chị L T H D có vay của anh T 30.000.000đ và có viết biên nhận ngày 18/11/2016. Theo thỏa thuận thì anh H và chị D thống nhất lãi suất 04%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng (từ ngày 18/11/2016 đến ngày 18/02/2017). Khi nhận tiền anh H là người đại diện lập biên bản làm cơ sở. Ngày

14/5/2018 anh H có viết giấy xác nhận tính đến ngày 13/5/2018 thì vợ chồng anh H, chị D còn nợ anh T số tiền lãi là 20.500.000đ. Anh T đã nhiều lần yêu cầu anh H, chị D hoàn trả số tiền vốn và lãi nhưng đến nay chưa trả.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh T trình bày trong quá trình vay tiền anh H đã trả được cho anh T 1.100.000đ tiền vốn. Nay anh T thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh H trả số tiền vay mà anh H còn thiếu là 28.900.000đ và lãi phát sinh từ khi vay cho đến nay theo lãi suất 1,66%/tháng đối với số tiền gốc là 28.900.000đ và anh T xin rút lại yêu cầu khởi kiện của anh N T T về nội dung khởi kiện đối với chị L T H D.

Bị đơn anh Võ Thanh H và chị L T H D: mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H và chị D nhưng anh H và chị D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh H và chị D.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh N T T đối với yêu cầu chị L T H D liên đới với anh H trả nợ.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh N T T. Buộc anh V V H có trách nhiệm trả cho anh N T T số tiền là 28.900.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 19/11/2016 đến khi xét xử sơ thẩm xong vụ án

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Biên nhận ngày 18/11/2016 có chữ ký người nhận ghi V V H ở cuối trang (bản chính viết tay bằng mực màu xanh);
- Biên bản lấy lời khai của đương sự N T T ngày 05/02/2021 (bản chính);
- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của N T T ngày 23/9/2020 (bản chính);
- Chứng minh nhân dân của N T T (bản phô tô);
- Sổ hộ khẩu của N T T (bản phô tô).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là quan hệ tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”, bị đơn là anh V V H và chị L T H D có nơi cư trú tại Ấp 5, xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: anh V V H và chị L T H D đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V V H và chị L T H D theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào ngày 18/11/2016 và đến ngày 14/5/2018 anh V V H có làm lại xác nhận nợ, tại thời điểm này Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn anh V V H và chị L T H D vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các lần lấy lời khai, thông báo hòa giải và công khai chứng cứ, thông báo kết quả công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh V V H và chị L T H D vẫn không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để giải quyết vụ án. Do đó anh V V H và chị L T H D đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết vụ án.

[5] Tại phiên tòa anh N T T là nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu đối với phần tiền gốc là yêu cầu anh V V H chỉ trả phần vốn gốc là 28.900.000đ so với yêu cầu khởi kiện trước đây là 30.000.000đ và tiền lãi là 1,66%/tháng kể từ ngày 19/11/2016 cho đến nay. Xét thấy, việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu này của anh T.

[6] Tại phiên tòa anh N T T là nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu chị L T H D liên đới với anh V V H trả nợ, mà chỉ yêu cầu anh H trả vốn và lãi vay theo quy định pháp luật. Xét thấy, việc rút yêu cầu như trên là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ giải quyết phần yêu cầu này của anh T.

[7] Căn cứ vào biên nhận ngày 18/11/2016 và phần xác nhận ngày 14/5/2018 có chữ ký của anh V V H với nội dung “*Tôi có nhận của N T T số tiền 30.000.000đ ...*” có cơ sở xác định giữa anh N T T và anh V V H có giao kết hợp đồng vay tài sản với nhau.

Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

Căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn 5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a) Lãi*

trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “....Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực....”. Anh T và anh H thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng là vượt quá giới hạn được quy định, tại phiên tòa hôm nay anh T thay đổi yêu cầu về lãi suất là 1,66%/tháng là phù hợp với quy định pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh T đã nhiều lần yêu cầu anh H trả số tiền vốn là 28.900.000đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 19/11/2016 đến nay nhưng anh H không thực hiện trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Nay anh T khởi kiện yêu cầu anh H trả nợ gốc 28.900.000đ và tiền lãi từ ngày 19/11/2016 cho đến nay là 1,66%/tháng (28.900.000đ x 1,66%/tháng x 52 tháng 26 ngày = 25.359.056đ). Tổng cộng vốn và lãi anh V V H phải trả cho anh T là 54.259.0560đ (làm tròn 54.259.000đ) là có cơ sở chấp nhận.

Trường hợp anh V V H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo bản án đã tuyên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

[8] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở, nên được xem xét chấp nhận.

[9] Án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn anh N T T được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn anh V V H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nguyên đơn anh N T T được hoàn lại án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh N T T về nội dung khởi kiện đối với chị L T H D.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N T T đối với anh V V H.

Buộc anh V V H có nghĩa vụ trả cho anh N T T số tiền 54.259.000đ (tiền gốc 28.900.000đ và lãi là 25.359.000đ).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh N T T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh N T T số tiền 1.260.000đ, tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004244, ngày 15/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

+ Anh V V H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.712.950đ (làm tròn 2.713.000đ).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND HCL;
- Chi cục THA HCL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Chí Tâm